

Phụ lục I
PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH ĐẮK LẮK THEO CÁC ĐƠN VỊ
HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Vùng	Diện tích (ha)	Địa bàn (xã phường)
1	Vùng 1 - Vùng động lực cao nguyên phía Tây	825.771,56	Phường Buôn Ma Thuột, Phường Tân An, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Ea Kao, Xã Hòa Phú, Phường Buôn Hồ, Phường Cư Bao, Xã Ea Drông, Xã Ea Súp, Xã Ea Rók, Xã Ea Bung, Xã Ia Rvê, Xã Ia Lốp, Xã Ea Wer, Xã Ea Nuôi, Xã Buôn Đôn, Xã Ea Kiết, Xã Ea M'Droh, Xã Quảng Phú, Xã Cuôr Đăng, Xã Cư M'gar, Xã Ea Tul, Xã Pong Drang, Xã Krông Búk, Xã Cư Pong, Xã Ea Khăl, Xã Ea Drăng, Xã Ea Wy, Xã Ea H'Leo, Xã Ea Hiao, Xã Krông Năng, Xã Dliê Ya, Xã Tam Giang, Xã Phú Xuân, Xã Krông Pắc, Xã Ea Knuéc, Xã Ea Kly, Xã Vụ Bồn, Xã Ea Kar, Xã Ea Ning, Xã Dray Bhang, Xã Ea Ktur, Xã Krông Ana, Xã Dur Kmăl, Xã Ea Na. (46 đơn vị hành chính)
2	Vùng 2 - Vùng động lực kinh tế biển phía Đông	411.507,03	Phường Tuy Hòa, Phường Phú Yên, Phường Bình Kiến, Phường Xuân Đài, Phường Sông Cầu, Xã Xuân Thọ, Xã Xuân Cảnh, Xã Xuân Lộc, Phường Đông Hòa, Phường Hòa Hiệp, Xã Hòa Xuân, Xã Tuy An Bắc, Xã Tuy An Đông, Xã Ô Loan, Xã Tuy An Nam, Xã Tuy An Tây, Xã Phú Hòa 1, Xã Phú Hòa 2, Xã Tây Hòa, Xã Hòa Thịnh, Xã Hòa Mỹ, Xã Sơn Thành, Xã Sơn Hòa, Xã Vân Hòa, Xã Tây Sơn, Xã Đức Bình, Xã Xuân Lãnh, Xã Phú Mỡ, Xã Xuân Phước, Xã Đồng Xuân. (30 đơn vị hành chính)



STT	Vùng	Diện tích (ha)	Địa bàn (xã phường)
3	Vùng 3 - Vùng trung du chuyển tiếp	572.701,61	Xã Tân Tiến, Xã Ea Phê, Xã Ea Ô, Xã Ea Knốp, Xã Cư Yang, Xã Ea Păl, Xã M'Drăk, Xã Ea Riêng, Xã Cư M'ta, Xã Krông Á, Xã Cư Prao, Xã Ea Trang, Xã Hòa Sơn, Xã Dang Kang, Xã Krông Bông, Xã Yang Mao, Xã Cư Pui, Xã Liên Sơn Lắc, Xã Đăk Liêng, Xã Nam Ka, Xã Đăk Phoi, Xã Krông Nô, Xã Suối Trai, Xã Ea Ly, Xã Ea Bá, Xã Sông Hinh. (26 đơn vị hành chính)

Ghi chú:

Diện tích các vùng của tỉnh Đắk Lắk được tính toán dựa trên diện tích các xã được xác định tại Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 27/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về kết quả thực hiện thống kê đất đai năm 2025 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 456/QĐ-BNNMT ngày 03/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2024; do đó, số liệu có khác lệch so với thông tin diện tích của tỉnh nêu tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

(Chữ ký và dấu)